

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 93/2018/HS-ST.

Ngày: 30/8/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Huân

Các Hội thẩm nhân dân.

1/Ông Nguyễn Bính

2/ Bà Phan Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2018/HSST ngày 03/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HS ngày 15/8/2018 đối với bị cáo:

Trần Phương T (tên gọi khác: T Ngu) – sinh năm 1983 tại Tây Ninh; Nơi ĐKKHKT: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở hiện nay: khu phố 4, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đại M – 1950 và bà Nguyễn Thị D (đã chết); Có vợ Lê Thị T - sinh năm 1987 và hai con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 19/10/2016, bị Chủ tịch UBND thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 20.000.000 đồng, vì lý do: Người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý (vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ) và Cơ sở kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/NĐ-CP ngày 15/11/2013). Đã thực hiện nghĩa vụ nộp phạt vào ngày 27/6/2017.

- Nhân thân: Ngày 20/4/2010, bị UBND phường X, thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 300.000 đồng vì có hành vi: Hộ kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 08/02/2018 và bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018, sau đó bị tạm giam đến ngày 22/3/2018 thì được thay thế bằng biện pháp cho Bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị N, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn X, xã P, thành phố P, Bình Thuận.

2/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, Bình Thuận.

3/ Ông Lê Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, Bình Thuận.

Người làm chứng: Ông Lê Văn M (vắng mặt); bà Nguyễn Thị Tuyết N (vắng mặt); ông Nguyễn Văn C (vắng mặt) và bà Ngô Thị Tú O (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 21 giờ 30 phút ngày 08/02/2018, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận phối hợp với Công an phường X tiến hành kiểm tra và bắt quả tang tại quán giải khát không biển hiệu ở đường Trường C thuộc khu phố 4, phường X, thành phố P do Trần Phương T làm chủ, có 02 cặp nam nữ có hành vi mua bán dâm. Cụ thể: tại phòng số 1, khách mua dâm tên Lê Văn M đang thực hiện hành vi giao cấu với gái bán dâm tên Nguyễn Thị Tuyết N; khách mua dâm tên Nguyễn Văn C và gái bán dâm tên Ngô Thị Tú O đang đứng trước quán cùng với T (cặp mua bán dâm này vừa thực hiện xong hành vi giao cấu tại phòng số 2 trong quán, đang trong lúc thanh toán tiền thì bị bắt quả tang).

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Trần Phương T và các đối tượng có liên quan khai nhận như sau: Cách thời điểm bị bắt khoảng 05 năm, Trần Phương T thuê đất tại khu vực đường Trường C thuộc khu phố 4, phường, thành phố Phan Thiết của bà Trương Thị N với giá 700.000 đồng/tháng để ở và mở quán giải khát để làm địa điểm chứa mại dâm. Trong quán, T bố trí 02 phòng được ngăn bằng ván ép có trang bị nệm và đèn ngủ nhằm phục vụ việc chứa mại dâm. T là người trực tiếp mời khách, thỏa thuận giá cả với khách và gọi gái bán dâm từ các lò đào cho khách khi có nhu cầu. Giá tiền mua bán dâm mỗi lần là 200.000 đồng/người/lượt, trong đó T hưởng 70.000 đồng, gái bán dâm hưởng 130.000 đồng. Hàng ngày, quán bắt đầu hoạt

động từ lúc 09 giờ sáng đến 01 giờ sáng hôm sau thì nghỉ. T thường ngồi phía trước quán để đón khách vào mua dâm và cảnh giới khi khách mua dâm và gái bán dâm đã vào phòng thực hiện hành vi giao cấu.

Khoảng 21 giờ ngày 08/02/2018, T đang ngồi trước quán đón khách như thường lệ thì có Lê Văn M điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn C đi vào quán. Biết là khách đến mua dâm nên T không thỏa thuận về giá cả mà sử dụng điện thoại di động của mình, có số thuê bao 0965 718 941 gọi cho lò đào ông N và lò đào D và yêu cầu 02 gái bán dâm đến quán để phục vụ khách. Khoảng 05 phút sau, gái bán dâm Ngô Thị Tú O được xe ôm chở đến quán. O cùng C đi vào phòng số 02 của quán. Ít phút sau, gái bán dâm Nguyễn Thị Tuyết N được một xe ôm khác chở đến quán và cùng với M đi vào phòng số 01 của quán để thực hiện việc mua bán dâm. Lúc này, T ra trước quán để tiếp tục đón khách và cảnh giới.

Quá trình điều tra xác định được: do trước khi đến quán của T để mua dâm, Công với M đã uống rượu bia với nhau và M đã thanh toán tiền nên cả hai đã thống nhất là tiền mua dâm sẽ do C trả. Vì vậy khi đến quán của T thì C và M không thỏa thuận giá cả với T hoặc gái bán dâm nữa.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi C mua dâm xong và đang cùng O ở phía trước quán để chuẩn bị trả tiền cho T thì bị bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng bạc (thu giữ của Trần Phương T, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội)

+ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su hiệu Avita – đã được niêm phong và 01 tuýp gel bôi trơn KY (thu giữ tại phòng số 01 - nơi Lê Văn M và Nguyễn Thị Tuyết N đang thực hiện hành vi giao cấu).

Hiện số tang vật trên đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P tạm giữ chờ xử lý.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Phương T đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận truy tố tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 27/7/2018 về tội: “Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị HĐXX căn cứ:

- Khoản 1 Điều 327 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trần Phương T mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”.

- Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một)

bao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ bao cao su hiệu Avita và 01 (một) tuýp gen bôi trơn KY và tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng bạc của ông Trần Phương T là vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Viện kiểm sát, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhân chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do hám lợi, Trần Phương T đã sử dụng quán giải khát ở khu vực đường T thuộc khu phố 4, phường X, thành phố P do T làm chủ để làm địa điểm chứa các cặp mua bán dâm nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 08/02/2018, Nguyễn Văn C và Lê Văn M đến quán của T với mục đích mua dâm. Do đã thỏa thuận trước về việc trả tiền và biết giá mua dâm nên Công với M không thỏa thuận gì thêm với Trần Phương T, T đã sử dụng điện thoại di động gọi đến các lò đào ở khu vực gần đó để gọi hai gái bán dâm là Ngô Thị Tú O và Nguyễn Thị Tuyết N đến quán. Khi cặp mua bán dâm C với O đã thực hiện xong hành vi giao cấu và đang chuẩn bị trả tiền cho T ở trước quán; cặp mua bán dâm M với N đang thực hiện hành vi giao cấu tại phòng số 01 thì bị bắt quả tang.

Bị cáo Trần Phương T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi chứa mại dâm của Trần Phương T đã xâm phạm trật tự công cộng, vi phạm thuần phong mỹ tục, đạo đức và nếp sống lành mạnh, văn minh. Bị cáo biết được hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, thế nhưng chỉ vì mong muốn có được lợi nhuận nên đã tổ

chức chứa mại dâm để thu lợi bất chính. Vì vậy cần phải có một hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi do bị cáo gây ra và cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo lao động, học tập trở thành người có ích cho xã hội đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Mặc dù tại thời điểm bị bắt quả tang, Trần Phương T chứa hai đôi mua bán dâm nhưng quá trình điều tra xác định được: hai khách mua dâm đến cùng thời điểm và không có việc độc lập thỏa thuận giá cả với T cũng như gái bán dâm, do đó hành vi chứa mại dâm của bị can không thuộc trường hợp “phạm tội từ hai lần trở lên” theo điểm c, khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015 và hướng dẫn tại mục 4 Nghị quyết 01/2006 ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hành vi của Trần Phương T như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Đối với hành vi của Lê Văn D và Nguyễn Văn N: quá trình điều tra đã xác định được khoảng 21 giờ ngày 08/02/2018, D và N nhận được điện thoại của T yêu cầu một tiếp viên đến quán của T để tiếp khách. Lúc này D và N đã gọi nhưng chạy xe thò tên Th và Ú (không rõ nhân thân) chở Nguyễn Thị Tuyết N và Ngô Thị Tú O đến quán của T. Tuy nhiên, D và N không biết việc N và O đến quán của T là để thực hiện hành vi bán dâm nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, do đó việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với bà Trương Thị N, là người cho T thuê đất dùng làm địa điểm mở quán giải khát nhưng do bà N không biết việc T có hành vi chứa mại dâm nên không có vai trò đồng phạm; do đó việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với Lê Thị T là vợ của bị can Trần Phương T, mặc dù biết T có hành vi chứa mại dâm và đã nhiều lần can ngăn nhưng không được, T không tham gia vào việc chứa mại dâm tại quán, việc điều hành quán, gọi gái bán dâm cho khách chỉ do một mình bị can T thực hiện, đồng thời tại phiên tòa T cũng xác định T không biết việc T chứa mại dâm vì vậy không có căn cứ xác định T là đồng phạm với T trong vụ án nên không xem xét xử lý đối với T.

Lê Văn M, Nguyễn Văn C, Ngô Thị Tú O và Nguyễn Thị Tuyết N đã có hành vi mua bán dâm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phan Thiết đã xử phạt hành chính theo quy định.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Trần Phương T có nhân thân xấu, ngày 20/4/2010, bị UBND phường X ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 300.000 đồng vì có hành vi: Hộ kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hơn nữa, bị cáo Tuấn còn có tiền sự: Ngày 19/10/2016, bị Chủ tịch UBND thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 20.000.000 đồng, vì lý do: Người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý, đã thực hiện nghĩa vụ nộp phạt vào ngày 27/6/2017.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 (một) bao su đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ bao cao su hiệu Avita và 01 (một) tuýp gen bôi trơn KY là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng bạc thu giữ của bị cáo Trần Phương Tuấn là công cụ bị cáo liên lạc để gọi gái bán dâm tới quán thực hiện hành vi mua bán dâm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Trần Phương T, phạm tội: “*Chứa mại dâm*”.

Xử phạt: Trần Phương T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt giam thi hành án, nhưng được khấu trừ vào thời gian bị bắt, tạm giữ tạm giam trước đó từ ngày 08/02/2018 đến ngày 22/03/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao su đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ bao cao su hiệu Avita và 01 (một) tuýp gen bôi trơn KY.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng bạc thu giữ của bị cáo Trần Phương T là vật chứng của vụ án.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 92 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Phương T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2018). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp. Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án tp. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Huân